

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**“NHÀ MÁY ÉP VỎ ĐIỀU CÔNG SUẤT 2.000 TẤN
SẢN PHẨM/NĂM”**

Địa điểm: Khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

Bình Phước, 2025

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH

----- & -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ
“NHÀ MÁY ÉP VỎ ĐIỀU CÔNG SUẤT 2.000 TẤN
SẢN PHẨM/NĂM”**

Địa điểm: Khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

**ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN
NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH
GIÁM ĐỐC**



Bình Phước, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG.....	v
DANH MỤC HÌNH.....	vi
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	2
3.1. Công suất của cơ sở.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	4
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cơ sở:.....	4
4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện.....	5
4.3. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước.....	6
4.5. Nhu cầu sử dụng lao động.....	7
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	7
5.1. Vị trí địa lý.....	7
5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở.....	8
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	9
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	10
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	10
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường.....	10
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	11

1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	11
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	11
1.3. Xử lý nước thải.....	12
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	14
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	14
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	16
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	17
5.1. Nguồn phát sinh.....	17
5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	19
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	19
6.1. Sự cố tại hệ thống thoát nước và bể tự hoại.....	19
6.2. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ.....	19
6.3. Phương án phòng ngừa sự cố máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất.....	21
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	22
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	22
1.1. Nội dung đề nghị cấp phép với nước thải.....	22
1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:.....	22
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	22
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	22
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	23
4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:.....	23
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	24
CHƯƠNG V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	26
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:.....	26
1.1. Về công trình xử lý nước thải:.....	26
1.2. Chất thải rắn sinh hoạt.....	26
1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	26
1.4. Chất thải rắn nguy hại.....	26

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:.....	26
2.1. Thông tin đơn vị quan trắc.....	26
2.2. Kết quả quan trắc nước thải.....	27
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....	27
4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải.....	27
4.1. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	27
4.2. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	28
4.3. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại.....	28
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:.....	28
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	29
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	29
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	29
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	29
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	29
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:	29
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	30
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	31
PHỤ LỤC BÁO CÁO	32

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CP	Chính phủ
CTR CNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
MTV	Một thành viên
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TSS	Chất rắn lơ lửng
Stt	Số thứ tự
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GPXD	Giấy phép xây dựng

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất sản xuất của của cơ sở	2
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở	5
Bảng 1.3. Thống kê lượng điện tiêu thụ Cơ sở	5
Bảng 1.4. Cân bằng sử dụng nước của cơ sở.....	6
Bảng 1.5. Vị trí tọa độ của Cơ sở.....	7
Bảng 1.6. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	8
Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	9
Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh	15
Bảng 3.2. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	16
Bảng 3.3. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới.....	17
Bảng 3.4. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	17
Bảng 3.5. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số	18
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2024	27
Bảng 6.4. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	30

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Hình ảnh cơ sở.....	1
Hình 1.2. Quy trình sản xuất ép dầu điều.....	3
Hình 1.3. Một số hình ảnh máy móc của Cơ sở.....	4
Hình 1.4. Vị trí cơ sở trên bản đồ.....	8
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở.....	11
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải.....	12
Hình 3.3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	13
Hình 3.4. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	20

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: ÔNG BÙI HỮU PHƯỚC
- Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0978 307730.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3801166193, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 9 năm 2024 do Phòng đăng Ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

2. Tên cơ sở

“Nhà máy ép vỏ điều công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm”



Hình 1.1. Hình ảnh cơ sở

- Địa điểm cơ sở: Khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Quy mô của Cơ sở:

Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Xác định theo khoản 3 Điều 11, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024 và thuộc Phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Dự án có tổng vốn đầu tư là 18 tỷ đồng, do đó dự án được phân loại **Nhóm C** (Dự án có mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng).

+ Phân loại theo Luật bảo vệ môi trường: Dự án thuộc Dự án đầu tư Nhóm III, căn cứ theo quy định thuộc số thứ tự 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức*”.

- Căn cứ Khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường: “*Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này*” thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

Do đó, Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho “**Nhà máy ép vỏ điều công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm**” tại Khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và trình lên Ủy ban nhân dân Thị xã Phước Long để được thẩm định và cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Công suất sản xuất của cơ sở được trình bày ở bảng sau:

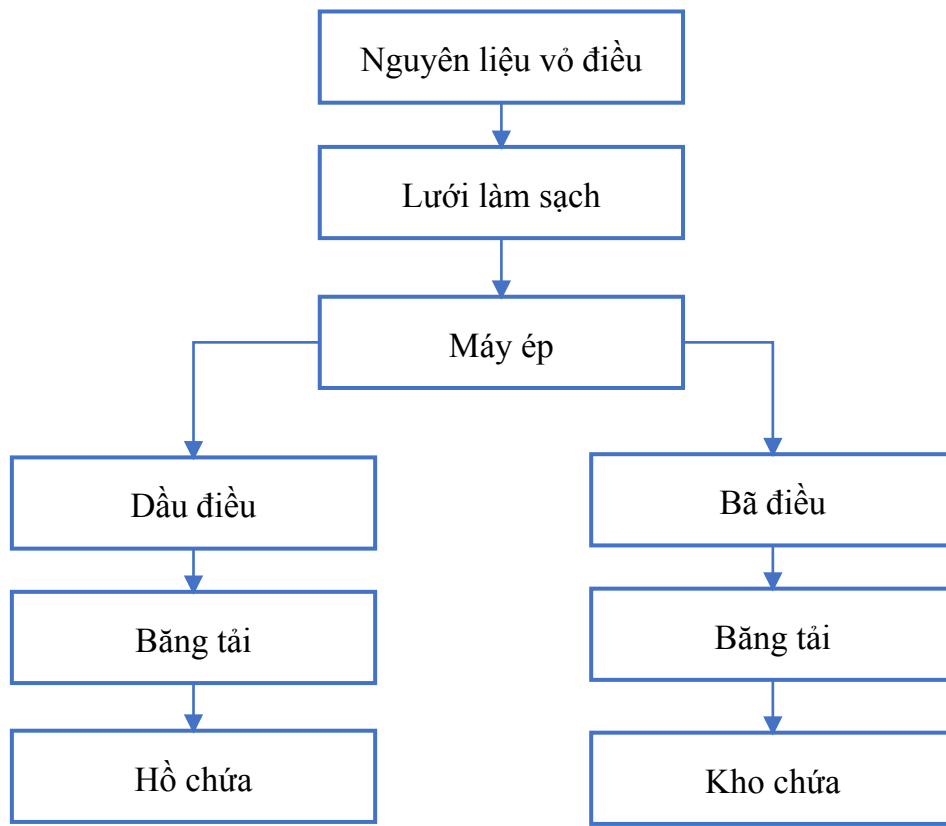
Bảng 1.1. Công suất sản xuất của của cơ sở

Stt	Loại sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	Dầu điều	Tấn/năm	2.000
Tổng		-	2.000

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở sản xuất sản phẩm dầu điều, quy trình công nghệ sản xuất được trình bày bên dưới:



Hình 1.2. Quy trình sản xuất ép dầu điều

Thuyết minh quy trình

+ Chuẩn bị nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu là vỏ điều thu gom từ quá trình chế biến hạt điều. Vỏ điều chứa một lượng lớn dầu điều thô, có giá trị kinh tế cao.

+ Làm sạch nguyên liệu

Trước khi đưa vào máy ép, vỏ điều được đưa qua hệ thống lưới làm sạch. Công đoạn này giúp loại bỏ các tạp chất như bụi bẩn, mảnh vụn hoặc các thành phần không mong muốn có trong nguyên liệu. Việc làm sạch giúp dầu điều thu được có độ tinh khiết cao, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm dầu ra.

+ Quá trình ép dầu điều

Vỏ điều được chuyển vào máy ép để chiết xuất dầu. Máy ép hoạt động bằng cách tạo ra áp suất cao, ép chặt vỏ điều để tách phần dầu ra khỏi phần xơ. Dưới tác động của máy ép, dầu điều bắt đầu chảy ra ngoài, phần bã còn tiếp tục được nén tiếp để tách hết lượng dầu còn sót.

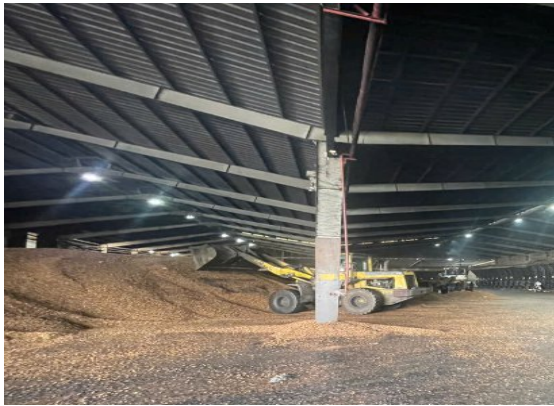
+ Thu gom và lưu trữ dầu điều

Dầu điều sau khi ép được thu gom và chuyển qua hệ thống băng tải để vận chuyển đến bể chứa. Trong quá trình này, dầu điều được lọc sơ bộ để loại bỏ cặn bã và tạp chất còn lẫn.

+ Xử lý bã điều

Bã điều được thu gom và đưa vào kho chứa để bảo quản, sau đó bán lại cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

Một số hình ảnh máy móc của cơ sở



Nguyên liệu vỏ điều



Máy ép vỏ điều



Khu vực lưu chứa thành phẩm

Hình 1.3. Một số hình ảnh máy móc của Cơ sở

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở là dầu điều với công suất 2.000 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cơ sở:

❖ Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu của Cơ sở thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng	Mục đích sử dụng	Xuất xứ	Quy đổi (tấn/năm)
1	Vỏ điều	Tấn/năm	9.091	Nguyên liệu sản xuất	Việt Nam	9.091
2	Bao tay, đồ bảo hộ	Cái/năm	1.250	Bao tay, đồ bảo hộ	Việt Nam	0,63
Tổng cộng						234.000,63

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện

- Nguồn cung cấp điện: Từ hệ thống lưới điện Quốc gia do Công ty điện lực Bình Phước cung cấp.
- Mục đích sử dụng: sử dụng cho thiết bị, máy móc sản xuất, phục vụ chiếu sáng và các thiết bị sinh hoạt.
- Lượng điện sử dụng: Căn cứ theo hóa đơn sử dụng điện từ tháng 10/2024 đến tháng 03/2025, lượng điện tiêu thụ trung bình của cơ sở khoảng 248.772 kWh/tháng, tương đương 9.568 kWh/ngày *(Hóa đơn điện đính kèm theo phụ lục)*.

Bảng 1.3. Thống kê lượng điện tiêu thụ Cơ sở

Stt	Tháng	Đơn vị	Lượng điện tiêu thụ
1	Tháng 10/2024	kWh/tháng	297.429
2	Tháng 11/2024	kWh/tháng	334.733
3	Tháng 12/2024	kWh/tháng	279.400
4	Tháng 01/2025	kWh/tháng	156.467
5	Tháng 02/2025	kWh/tháng	108.268
6	Tháng 03/2025	kWh/tháng	316.334
-	Trung bình tháng (kWh/tháng)		248.772
-	Trung bình ngày (kWh/ngày)		9.568

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

4.3. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước

Nhu cầu sử dụng nước: Lượng nước sử dụng thực tế của cơ sở dùng cho hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại cơ sở. Cơ sở sử dụng nước từ giếng khoan để phục vụ cho mục đích sử dụng.

Bảng 1.4. Cân bằng sử dụng nước của cơ sở

Stt	Mục đích sử dụng	Định mức	Quy mô tối đa	Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày)	Lưu lượng nước xả thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân viên	100 lít/người/ngày (QCVN 01:2021/BXD) Định mức xả thải: 80% lượng nước cấp	25 người	2,5	2	Cơ sở không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường, nước thải phát sinh được dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó được Công ty thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý
Tổng			-	2,5	2	-

(Nguồn: Công ty TNHH Nông sản Phước Thành)

❖ Nhu cầu sử dụng nước cho PCCC:

Theo QCVN 06:2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình lưu lượng nước cho chữa cháy là 15 lít/giây. đám cháy, tương đương 54 m³/giờ.đám cháy với 01 đám cháy trong 3 giờ liên tục. $Q_{cc} = 54 \text{ m}^3/\text{giờ} \cdot \text{đám cháy} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3 \text{ giờ} = 162 \text{ m}^3$.

4.5. Nhu cầu sử dụng lao động

Tổng số lao động làm việc tại cơ sở: 25 người.

Thời gian làm việc: 312 ngày/năm, 01 ca/ngày, 8 giờ/ca.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí địa lý

Khu đất của cơ sở có diện tích 5.767,8 m² nằm tại Khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Cơ sở có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đất trồng nông nghiệp;
- Phía Bắc giáp nhà dân;
- Phía Tây giáp đường 759;
- Phía Nam giáp nhà dân.

Tọa độ địa lý của Cơ sở (tọa độ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiếu 3⁰) như sau:

Bảng 1.5. Vị trí tọa độ của Cơ sở

Điểm	Tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y(m)
1	1.304.398	579.797
2	1.304.403	579.792
3	1.304.454	579.866
4	1.304.460	579.864
5	1.304.469	579.882
6	1.304.480	579.875
7	1.304.552	579.993
8	1.304.508	580.017
9	1.304.435	579.904
10	1.304.454	579.892

(Nguồn: Công ty TNHH Nông sản Phước Thành)



Hình 1.4. Vị trí cơ sở trên bản đồ

5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở

Cơ sở có diện tích 5.767,8 m². Các hạng mục công trình được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Các hạng mục công trình chính	2.304,0	39,95
1	Kho lưu chứa vỏ điều	1.000,0	
2	Kho chứa bã	1.104,0	
3	Khu vực ép vỏ điều	200,0	
II	Các hạng mục công trình phụ	14,0	0,24
1	Kho chứa chất thải nguy hại	9,0	
2	Khu vực lưu chứa rác sinh hoạt	5,0	
III	Sân bãi và cây xanh	3.449,8	59,81
Tổng cộng		5.767,8	100

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
1	Máy ép vỏ điều	Cái	20	Đang hoạt động
2	Xe xúc	Cái	5	Đang hoạt động
3	Xe cube	Cái	1	Đang hoạt động

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

“Nhà máy ép vỏ điều công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” tại Khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành làm chủ cơ sở phù hợp với định hướng, mục tiêu quy hoạch phát triển của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Quyết định số 518/QĐ-TTg ngày 16/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Phê duyệt đề án phát triển đô thị giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2023 về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050;

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3801166193, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 09 năm 2024 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Như vậy, địa điểm thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường

Cơ sở đã tách riêng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, Công ty thu gom và tập kết phía trước cổng, Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường PPT để thu gom xử lý theo quy định.

Đối với chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất: Bã điều được công ty bán cho Công ty TNHH Thương mại Vận tải Bách khoa Bình Dương và Công ty MTV Thương mại Dịch vụ Ngọc Bích BP, đảm bảo không phát sinh ra ngoài môi trường.

Công ty đã bố trí khu vực lưu trữ riêng đối với chất thải nguy hại với diện tích 9m². Khu lưu chứa có bảng hiệu và trang bị thiết bị PCCC. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị TP.HCM để thu gom xử lý theo quy định.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

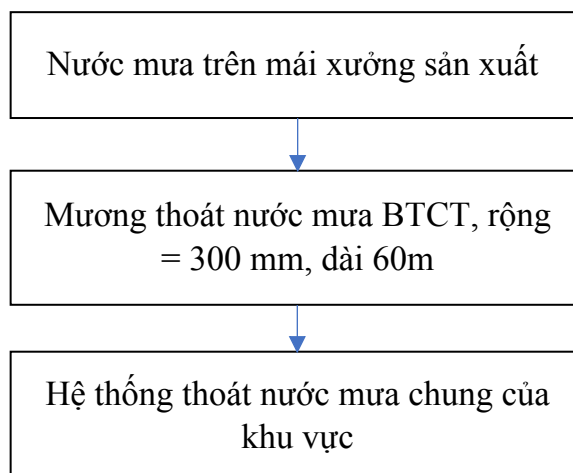
1.1. Thu gom, thoát nước mưa

1.1.1 Thu gom nước mưa và thoát nước mưa

Nước mưa từ mái nhà được thu gom và dẫn về hệ thống mương thoát nước mưa bố trí xung quanh trong khuôn viên của cơ sở. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống cống thu gom nước thải.

Nước mưa chảy tràn trên mái được thu gom theo máng xối theo độ dốc về hệ thống mương thoát nước mưa (mương) bố trí xung quanh khuôn viên (kích thước rộng 300mm), sau đó nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

Chủ cơ sở thường xuyên cho khai thông và nạo vét các mương thoát nước mưa để tránh tình trạng hệ thống thoát nước bị ứ đọng, gây ngập úng.



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

1.1.2. Điểm xả nước mưa

- Phương thức chảy: Tự chảy.
- Vị trí xả nước mưa: 01 vị trí, phía trước cổng công ty, khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa: $X (m) = 1.304.556$; $Y (m) = 579.962$.
(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

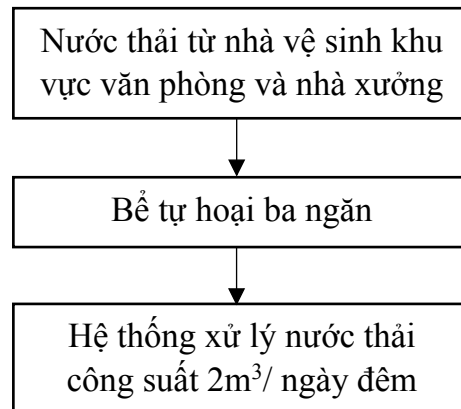
1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Cơ sở chủ yếu phát sinh từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh của công nhân viên và nước thải từ quá trình hấp điều tại Cơ sở. Các nguồn phát sinh nước thải bao gồm:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh văn phòng và nhà xưởng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở với công suất $2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải:

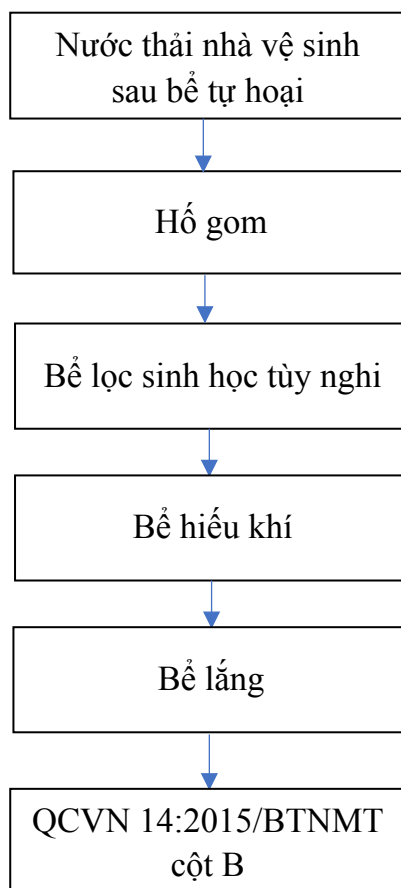


Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của công nhân viên (25 người). Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $2\text{ m}^3/\text{ngày}$ (tương đương 80% lượng nước cấp cho sinh hoạt), toàn bộ nước thải này sẽ được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công suất $2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ HTXLNT của cơ sở

Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế theo quy trình: Hồ gom → Bể lọc sinh học tùy nghi → Bể hiếu khí → Bể lắng, nhằm đảm bảo nước sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT – Cột B. Nước thải sinh hoạt đầu tiên được dẫn về hồ gom, nơi có chức năng thu gom và điều hòa lưu lượng. Sau đó, nước được đưa vào bể lọc sinh học tùy nghi, nơi các vi sinh vật trong môi trường có và không có oxy phân hủy một phần chất hữu cơ. Tiếp theo, dòng nước chảy vào bể hiếu khí, tại đây quá trình xử lý sinh học hiếu khí được tăng cường nhờ hệ thống cấp khí liên tục, giúp loại bỏ triệt để các chất ô nhiễm hữu cơ và các hợp chất chứa nitơ. Nước sau xử lý sinh học được dẫn sang bể lắng để loại bỏ bùn hoạt tính và các chất rắn lơ lửng còn lại. Sau quá trình lắng, nước thải đạt quy chuẩn môi trường theo QCVN 14:2025 – Cột B và có thể xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định.

1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

Cơ sở không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

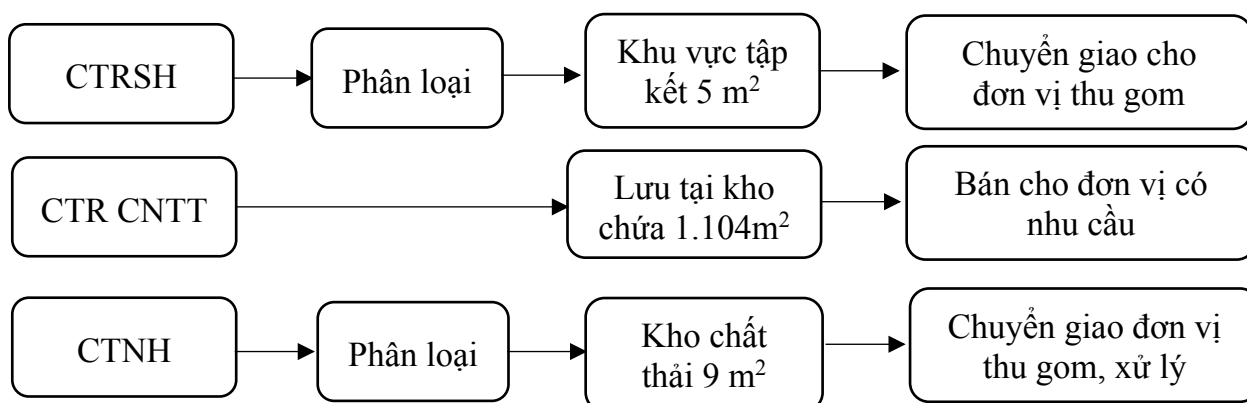
2.1. Bụi, khí thải từ quá trình bốc dỡ hàng, phương tiện giao thông

Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm của Cơ sở có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để hạn chế nguồn ô nhiễm này Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu để hạn chế bụi phát tán từ mặt đất,
- Thực hiện chế độ ra vào của phương tiện vận chuyển nguyên liệu hàng hóa: xe chạy chậm khi ra vào nhà máy, thực hiện tắt máy khi bốc dỡ hàng,
- Công nhân được trang bị đồ bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay,...trong lúc bốc dỡ hàng.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ, khu vực nhận, chở nguyên liệu hàng hóa.
- Các phương tiện di chuyển trong nhà máy được bảo trì thường xuyên và khuyến cáo sử dụng nhiên liệu an toàn, thân thiện với môi trường,
- Trong quá trình bốc dỡ hàng yêu cầu tắt máy không để máy nổ.
- Phun tưới đoạn đường giao thông trước cổng ra vào trong những ngày nắng nóng để giảm lượng bụi cuốn lên từ mặt đường.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ khối lượng CTRSH, CTR CNTT và CTNH tại Cơ sở được phân loại, thu gom vào các thùng chứa ngay tại khu vực phát sinh. Sau đó, dựa vào đặc tính rác thải mà được lưu giữ tại nơi phù hợp, chi tiết phương án thu gom, xử lý chất thải tại dự án như sau:



3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

Rác sinh hoạt được phân loại như sau:

- Những thành phần rác thải không thể tái chế như các loại thực phẩm dư thừa, các

loại rau quả, trái cây,... có khả năng phân hủy sinh học và phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác được thu gom riêng và lưu giữ trong các túi rác.

+ **Thu gom:** Bố trí các thùng rác nhựa dung tích 60 lít đặt trong nhà vệ sinh, văn phòng để thu gom chất thải sinh hoạt. Cuối ngày (hoặc khi rác đầy) công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt đến khu tập kết trước cổng với diện tích 5 m² để chờ đơn vị thu gom đến thu gom. Công ty trang bị các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa HDPE dung tích 120 lít có nắp đậy kín tại các khu vực thường xuyên phát sinh.

+ **Lưu trữ:** Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí gần cổng Cơ sở với diện tích khoảng 5 m² (thuộc phạm vi của Cơ sở).

+ **Xử lý:**

➤ *Khối lượng phát sinh*

Khối lượng CTR sinh hoạt của cơ sở là 12,5 kg/ngày (bình quân 1 ngày mỗi người thải 0,5 kg/ngày, số lượng công nhân viên là 25 người).

Với khối lượng phát sinh 12,5 kg/ngày x 312 ngày/năm = 3.900 kg/năm (tương đương 3,9 tấn/năm).

Hiện tại công ty đã bố trí khu vực tập kết CTR sinh hoạt với diện tích khoảng 5m², gồm 01 thùng chứa bằng nhựa HPDE dung tích 120 lít màu xanh lá cây để lưu chứa CTR sinh hoạt hằng ngày.

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thu gom: Bã vỏ điều từ quá trình sản xuất được thu gom đưa về kho chứa trong dây chuyền sản xuất.

Lưu trữ:

- Công ty bố trí khu vực lưu chứa bã điều với diện tích 1.104m² → Bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

Xử lý: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Thương mại Vận tải Bách khoa Bình Dương và Công ty MTV Thương mại Dịch vụ Ngọc Bích BP, tần suất thu gom dựa vào khối lượng chất thải phát sinh để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh (*Tần suất thu gom 1-2 ngày/lần*).

➤ *Khối lượng phát sinh*

Thành phần và khối lượng CTR CNTT tại Cơ sở được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bã ép vỏ điều	7.091	Rắn	14 04 03	TT - R
Tổng		7.091	-	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 3.2. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5	NH
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	2	KS
3	Giẻ lau dính TPNH	18 02 01	Rắn	5	KS
4	Pin thải	19 06 01	Rắn	3	NH
5	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	5	TT-R
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	25	NH
-	Tổng cộng	-	-	45	-

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

Thu gom: Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại Dự án được thu gom đưa về khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

Lưu trữ: Kho chứa CTNH có diện tích 9m² (3m x 3m) cuối khu đất của Cơ sở. Kho chứa được xây dựng kiên cố, tường xây gạch kết hợp vách tôn, mái lợp tôn, chống nước mưa từ ngoài tạt vào.

Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.

- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.
- Số lượng thùng rác: Chủ cơ sở bố trí 4 thùng nhựa loại 240L để lưu chứa các loại chất thải phát sinh.

- **Xử lý:** Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ là xử lý CTNH với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị TP.HCM theo Hợp đồng số HĐ.MTĐT-NH/25.2.VX đến thu gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/lần. (Hợp đồng được đính kèm ở phụ lục)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Nguồn phát sinh

- **Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông**

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở như xe máy, xe hơi của cán bộ công nhân viên và khách, xe tải vận chuyển nguyên vật liệu tới Công ty và vận chuyển thành phẩm đi tiêu thụ. Đây là nguồn gây ồn không liên tục, thông thường các thời điểm phát sinh tiếng ồn từ hoạt động giao thông lớn là thời gian đầu và cuối mỗi ca sản xuất khi công nhân viên ra vào Công ty để làm việc và khi Công ty nhập xuất hàng tập trung.

Bảng 3.3. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới

Loại xe	Cường độ ồn (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
Xe vận tải	93	Từ 6h – 21h: 70
Xe moto 4 thì	94	Từ 21h – 6h: 55

(Nguồn: Tổ chức FHA (Federal Highway Administration), Mỹ, 1999)

Nhận xét: Qua số liệu thống kê ở bảng trên có thể thấy cường độ ồn của các loại xe cơ giới ra vào cơ sở vượt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Đây là nguồn phát sinh không liên tục, chỉ xảy ra trong thời gian rất ngắn nên tác động đến môi trường, con người là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở sẽ có những phương án cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa các tác động của tiếng ồn trong khu vực.

- **Tiếng ồn từ dây chuyền sản xuất**

Đối với hoạt động sản xuất của cơ sở, căn cứ vào quy trình sản xuất và danh sách các thiết bị, máy móc tại cơ sở được nêu ở Chương I, các nguồn phát sinh tiếng ồn được nhận định chủ yếu từ các công đoạn sau đây:

Bảng 3.4. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰)
1	Từ hoạt động của máy ép vỏ điều	X = 1.304.467; Y = 579.923

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

Tiếng ồn sẽ gây những tác động tiêu cực đến công nhân làm việc trực tiếp tại xưởng nếu tiếp xúc trong thời gian dài. Tiếng ồn tác động đến tai, sau đó tác động đến hệ thần kinh trung ương, đến hệ tim mạch, dạ dày và các cơ quan khác. Mức ồn ảnh hưởng đến các bộ phận của cơ thể người cụ thể như sau:

Bảng 3.5. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số

STT	Mức ồn (dBA)	Tác động người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Ngưỡng chói tai
5	130 – 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
7	145	Giới hạn mà con người có thể chịu đựng được với tiếng ồn
8	150	Nếu mức chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng tai
9	160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm lâu dài

(Nguồn: *Emviromental technology series, 1993*)

Trong khi hoạt động, tiếng ồn phát sinh từ công đoạn sản xuất nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Do đó, tác động đến môi trường và con người là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở sẽ có các biện pháp giảm thiểu các tác động do tiếng ồn gây ra.

- **Độ rung**

Quá trình sản xuất của cơ sở sẽ phát sinh độ rung do va đập của các bộ phận cơ học của các loại máy móc, thiết bị và các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy.

Độ rung có thể gây ra những tác động có hại, cụ thể:

- Đối với con người: độ rung và tiếng ồn do rung có thể gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn giống trạng thái say tàu xe do thể đứng không vững, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe công nhân trực tiếp vận hành, hiệu suất làm việc cũng như lan truyền trên nền đất ra môi trường xung quanh.

5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp mà Cơ sở đã thực hiện nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung như sau:

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ 5km/h, không bóp còi;
- Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng và ngăn cách với các khu vực sản xuất khác. Tiếng ồn tạo ra từ mỗi quá trình sau khi đã được giảm thiểu bằng tường nhà che chắn và ở một khoảng cách nhất định sẽ giảm thiểu được tác động cộng hưởng.
- Các thiết bị, máy móc được lắp đặt các thiết bị chống ồn cần thiết, được đặt trên các bệ đỡ bê tông, có tác dụng hạn chế rung động;
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng máy, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị, máy móc bị mài mòn quá mức cho phép, bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ.
- Cách ly khu vực xưởng với các khu dân cư xung quanh tận dụng các khu đất trống, vành đai xung quanh để trồng cây xanh.
- Ngoài ra, xưởng còn trang bị nút bịt tai, chụp tai chống ồn,... cho công nhân vận hành tại các khu vực có độ ồn cao.
- Trồng cây xanh.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Sự cố tại hệ thống thoát nước và bể tự hoại

- Theo dõi và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại.
- Khơi thông, nạo vét các mương nước mưa.
- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom và thoát nước thải.

6.2. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ

❖ Phương pháp phòng chống cháy nổ

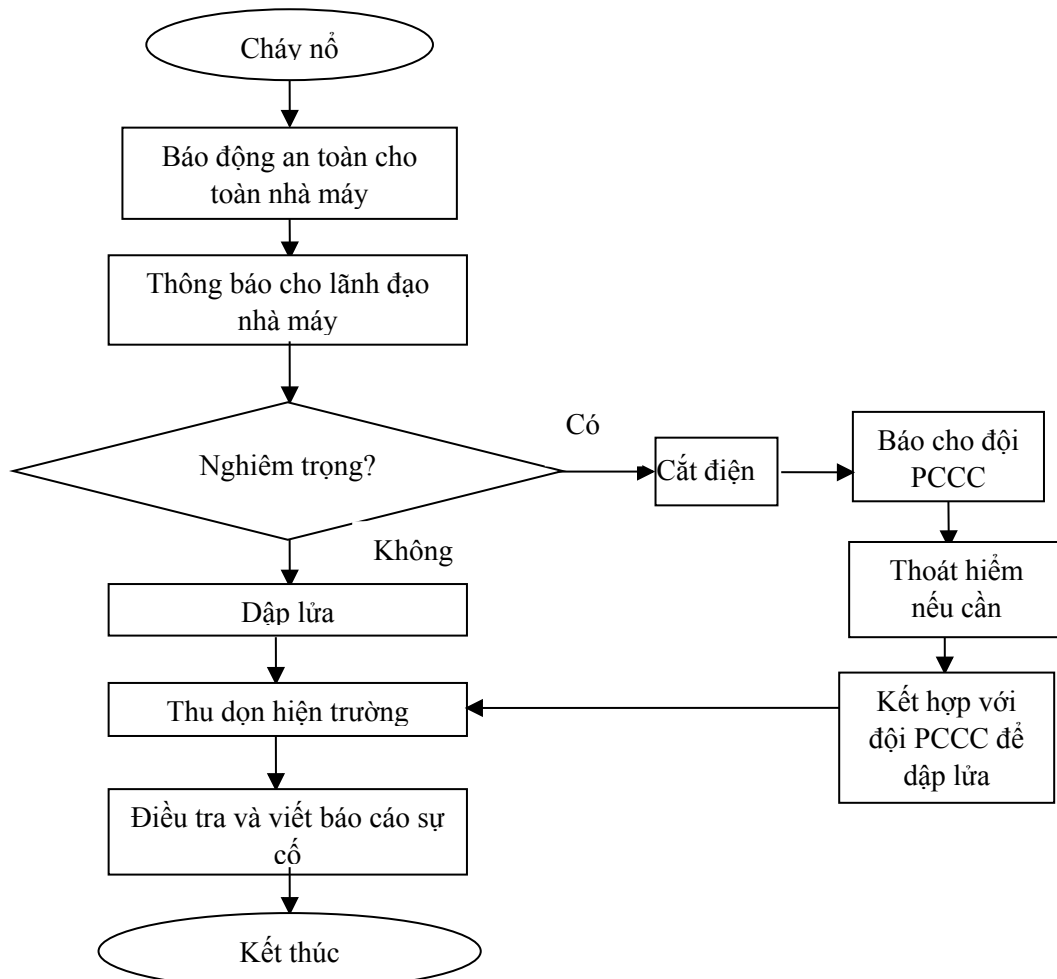
- Để đảm bảo an toàn PCCC, song song với việc chấp hành nghiêm ngặt các quy định an toàn PCCC, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:
- Niêm yết nội quy PCCC, biển cấm lửa, cấm hút thuốc ở các khu vực dễ cháy.
- Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn cứu hộ phục vụ việc chữa cháy, thoát nạn, cứu người phù hợp với quy mô, tính chất nguy hiểm cháy.

- Xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu người trong tình huống xảy ra cháy phức tạp nhất.

❖ **Phương án ứng phó sự cố cháy nổ trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn:**

- Khi có sự cố cháy, nổ xảy ra: Người phát hiện đám cháy nhanh chóng báo động cho toàn thể cán bộ công nhân viên biết để có giải pháp xử lý sự cố cháy, nổ vừa xảy ra. Đồng thời, báo cháy đến cho đội chữa cháy chuyên nghiệp đến dập tắt đám cháy (trong trường hợp nhân viên đó không thể tự dập tắt đám cháy). Lực lượng bảo vệ nhanh chóng tập trung lực lượng, triển khai phương án chữa cháy theo các bước cụ thể như sau:
- Báo động cháy tại khu vực đang xảy ra cháy.
- Cúp điện toàn bộ khu vực xảy ra cháy.
- Gọi điện cho lực lượng Cảnh sát PC&CC theo số 114 và các đơn vị xung quanh đến hỗ trợ chữa cháy.

Quy trình ứng phó khi có cháy



Hình 3.4. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Thông báo: khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên đều có thể biết và thông báo qua điện thoại, báo động qua keng, chuông báo động, trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy tỉnh.

Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như bình chữa cháy, cát và nước để dập lửa. Trường hợp cháy ở mức độ nghiêm trọng thì đội PCCC sẽ liên hệ với cơ quan PCCC địa phương để phối hợp chữa cháy, dập cháy nhanh chóng, giảm thiểu các thiệt hại về người và tài sản.

Thu dọn hiện trường: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

6.3. Phương án phòng ngừa sự cố máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất

- Định kỳ kiểm tra các máy móc, thiết bị xử lý chất thải.
- Toàn bộ các máy móc, thiết bị xử lý sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch nhằm đảm bảo luôn ở tình trạng hoạt động tốt.
- Các máy móc, thiết bị sẽ có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Công ty sẽ thường xuyên tổ chức các buổi huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.
- Các máy móc, thiết bị làm việc ở áp suất cao đều có hồ sơ trích lục được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.
- Chủ dự án đặc biệt chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của dự án. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra sự cố làm ngưng trệ sản xuất, hư hỏng máy móc và xảy ra tai nạn.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nội dung đề nghị cấp phép với nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở với công suất $2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý.

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh văn phòng và khu vực nhà xưởng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn dẫn về hệ thống xử lý có công suất $2\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hồ gom → Bể sinh học tùy nghi → Bể hiếu khí → Bể lắng → QCVN 14:2015/BTNMT, cột B.

1.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của công ty. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, đảm bảo không phát sinh ra bên ngoài môi trường.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy ép vỏ điều.

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: $X = 1.304.467$; $Y = 579.923$

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi giờ 3°)

b. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Bảng 4.1. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

St t	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép (Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép)		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	Ghi chú
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

Ghi chú:

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung./.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5	NH
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	2	KS
3	Giẻ lau dính TPNH	18 02 01	Rắn	5	KS
4	Pin thải	19 06 01	Rắn	3	NH
5	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	5	TT-R
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	25	NH
-	Tổng cộng	-	-	45	-

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bã ép vỏ điều	7.091	Rắn	14 04 03	TT - R

Stt	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
	Tổng	7.091	-	-	-

4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	3,9
	Tổng	3,9

4.1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy, thùng nhựa có nắp đậy.
- Kho lưu chứa:
 - + Diện tích kho: 9 m².
 - + Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng vật liệu chống thấm, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Kho chứa

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy.
- Khu vực tập kết: Trước cổng Công ty.

Thu gom: Bố trí các thùng chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít. Cuối ngày công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 120 lít.

+ Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

1.1. Về công trình xử lý nước thải:

Công nhân sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu của cơ sở. Nước thải được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở với công suất 2m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Chất thải rắn sinh hoạt

Cơ sở trang bị thùng chứa rác sinh hoạt loại 60 lít bằng nhựa, có nắp đậy tại khu vực nhà xưởng, văn phòng. Tổ chức thu gom toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh tại nhà xưởng định kỳ 1 lần/ngày, tổ chức phân loại tách riêng các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng để bán phế liệu.

Tổ chức giáo dục công nhân, nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, thường xuyên nhắc nhở nhân viên thực hành tiết kiệm, tận dụng các vật dụng có thể tái sử dụng để hạn chế thải ra môi trường.

1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất (bã từ vỏ điều) được băng chuyển đưa về kho chứa hiện hữu của nhà xưởng với diện tích 1.104m².

Sau đó chất thải rắn công nghiệp thông thường được Công ty bán cho đơn vị thu mua.

1.4. Chất thải rắn nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom và lưu chứa tại kho chứa CTNHH hiện hữu của nhà xưởng với diện tích 9m².

Trong kho chứa trang bị các thùng chứa CTNHH tương ứng với các loại CTNH phát sinh. Tất cả các thùng lưu trữ CTNHH là loại thùng nhựa chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải. Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý CTNH.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

2.1. Thông tin đơn vị quan trắc

- Đơn vị phân tích mẫu : Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam.

+ Địa chỉ: 1358/21/5G, Đường Quang Trung, Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 0919 797 284

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 039.

2.2. Kết quả quan trắc nước thải

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí.
- + 01 Nước thải tại hố ga tự thấm (NT1).
- Thời gian quan trắc: Ngày 14/08/2024.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, giá trị C, cột B.
- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải năm 2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Giá trị C, cột B
1	pH	-	6,96	5 – 9
2	TSS	mg/L	43	100
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	28	50
4	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/L	0,52	50
5	Photphat (P-PO ₄ ³⁻)	mg/L	0,79	10
6	Coliform	MPN/100ml	2,9 x 10 ³	5.000

(Nguồn: Báo cáo quan trắc môi trường, năm 2024)

Nhận xét: Theo kết quả quan trắc nước thải năm 2024 cho thấy, các thông số quan trắc nước thải tại hố ga tự thấm đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT, giá trị C, cột B.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

- Không có

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải

4.1. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt với Công ty Cổ phần Môi trường PPT để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (*Hợp đồng số 24/PPT-HĐRT/2024*)

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	3,9
Tổng		3,9

4.2. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Thương mại Vận tải Bách khoa Bình Dương và Công ty MTV Thương mại Dịch vụ Ngọc Bích BP, tần suất thu gom dựa vào khối lượng chất thải phát sinh để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh (Tần suất thu gom 1-2 lần/ngày).

Stt	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bã ép vỏ điều	7.091	Rắn	14 04 03	TT - R
Tổng		7.091	-	-	-

4.3. Kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn nguy hại

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5	NH
2	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	2	KS
3	Giẻ lau dính TPNH	18 02 01	Rắn	5	KS
4	Pin thải	19 06 01	Rắn	3	NH
5	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	5	TT-R
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	25	NH
-	Tổng cộng	-	-	45	-

Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ là xử lý CTNH với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị TP.HCM theo Hợp đồng số HĐ.MTĐT-NH/25.2.VX đến thu gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/lần. (Hợp đồng được đính kèm ở phụ lục)

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong năm 2023 và năm 2024, cơ sở không có đoàn kiểm tra, thanh tra về môi trường.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Cơ sở không có công trình xử lý chất thải thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ Quan trắc nước thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: không thuộc đối tượng

❖ Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát:

. Khu vực tập kết CTR sinh hoạt

. Khu vực kho lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

. Khu vực kho lưu giữ CTNH

- Chỉ tiêu giám sát: thành phần, khối lượng.

- Tần suất: hằng ngày.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

- Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Việc thực hiện quan trắc môi trường là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một trong những phần rất quan trọng trong công tác kiểm soát chất lượng môi trường. Để đảm bảo các hoạt động của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường và đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế ô nhiễm, chương trình giám sát chất lượng môi trường sẽ được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 6.1. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Stt	Nội dung	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Kế hoạch thực hiện
1	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm	01	5.000.000	1 năm/lần
	Tổng	-	5.000.000	-

(Nguồn: Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành)

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Chế biến Nông sản Phước Thành xin cam kết:

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.

Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.

Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Về chất thải rắn: Được quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt.

Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt của cơ sở.

Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của cơ sở hư hỏng gây ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801166193

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 01 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 16 tháng 09 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC THẠNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUOC THANH AGRICULTURAL PROCESSING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUOC THANH AGRICULTURAL CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu Phước Sơn, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0978 307730

Email: *congytnhhmtvphuocthanh@gmail.com*

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ : 18.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: BÙI HỮU PHƯỚC

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *14/10/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *070084002519*

Ngày cấp: *16/04/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Tân Hiệp II, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Tân Hiệp II, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: BÙI HỮU PHƯỚC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070084002519

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hiệp II, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình
Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tân Hiệp II, Xã Bù Nho, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước,
Việt Nam



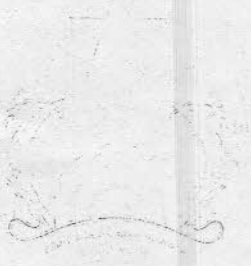
TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Ngọc Linh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Bùi Hữu Phước

Năm sinh: 1984 , CMND số: 285121051

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hiệp 2, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Bà: Phạm Thị Hoài Thương

Năm sinh: 1988 , CMND số: 285157665

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hiệp 2, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

CK 769266

Số sổ CMND đất - S: 02961/CMĐ

0 x

II. Thừa đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 259, Tờ bản đồ số: 34;
- b) Địa chỉ thừa đất: khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;
- c) Diện tích: 9947,2m², (bằng chữ: Chín ngàn chín trăm bốn mươi bảy phẩy hai mét vuông);
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng;
- đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 150,0m²; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 3500,0m²; Đất trồng cây lâu năm: 6297,2m²;
- e) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: sử dụng đất đến ngày 01/07/2060; Đất trồng cây lâu năm: sử dụng đất đến ngày 31/03/2030;
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 150,0m²; Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần 3500,0m²; Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 6297,2m².

- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú: -/-

CHỖ NIỀM VẤN PHÒNG ĐĂNG KÝ
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
SAO Y BẢN CHÍNH
Số v.04...Tháng 06...Năm 2018.



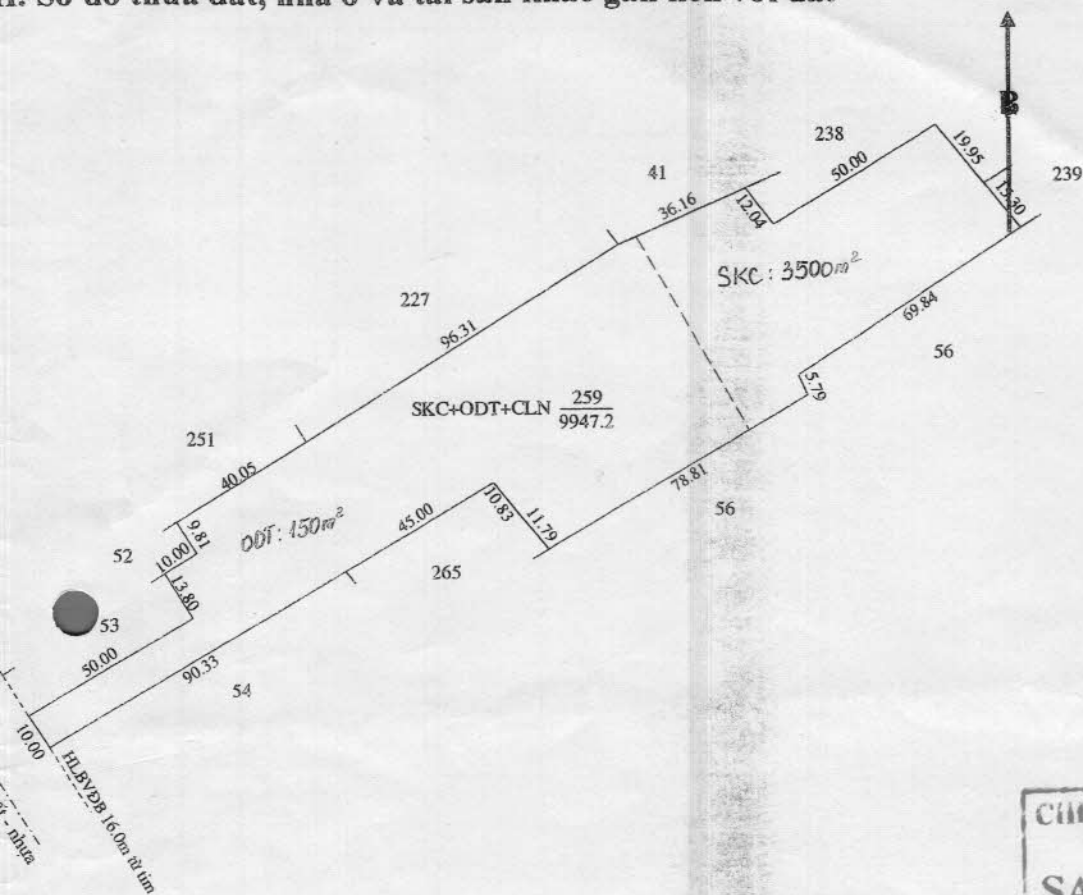
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Chiêu

Bình Phước, ngày ...07/.. tháng ..06... năm 2018
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
TU. GIÁM ĐỐC SỞ
PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC



I. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

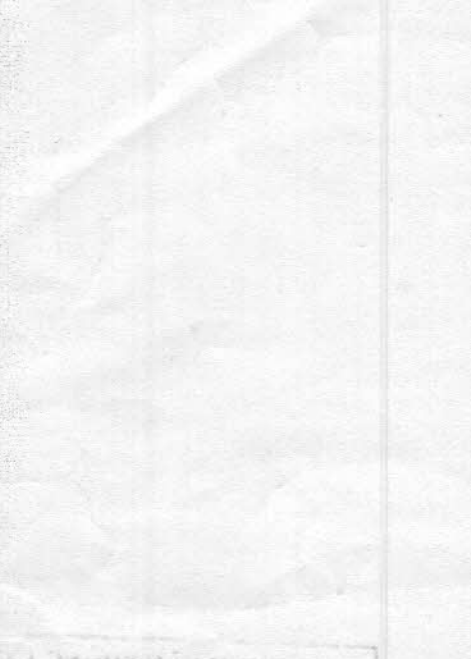


Tỷ lệ 1:2000

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKDD
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 17/7/2018 Tháng 07/2018 Năm 2018

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 15/2/2018 số 02961/CMĐ Quyên mục đích sử dụng diện tích 1270,0m² từ đất nông nghiệp lâu năm thành đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/05/2068. Theo Quyết định số: 656/QĐ-UBND, ngày 09/05/2018 của UBND thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.	CHAM BOC 2/5/2

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
 	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2521918000709

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Bùi Hữu Phước

Năm sinh: 1984, CMND số: 285121051

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hiệp 2, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

CU 802006

II. Thừa đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:

a) Thừa đất số: 390

Tờ bản đồ số: 34

b) Địa chỉ thừa đất: Khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

c) Diện tích: 865,4m², (bằng chữ: tám trăm sáu mươi lăm phẩy bốn mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

e) Thời hạn sử dụng: Sử dụng đất đến ngày 09/09/2060

g) Nguồn gốc sử dụng: Trúng đấu giá đất được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày 23... tháng 7... năm 2020

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

TUQ.GIÁM ĐỐC SỞ

PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC



Phạm Phú Hồng

Số vào sổ cấp GCN: CS.040.951.DG

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ 1: 1000



ĐÃ ĐO CHIẾU BẢN CHÍNH
Ngày... tháng... năm...

Nguyễn Duy Liêu

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CS

Scanned with
CamScanner

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2521920002277

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Nguyễn Quang Hưng

Năm sinh: 1991, CCCD số: 070091003303

Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

DH 181744

II. Thửa đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 514, Tờ bản đồ số: 34
b) Địa chỉ thửa đất: Khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
c) Diện tích: 7282,4m², (bằng chữ: Bảy nghìn hai trăm tám mươi hai phẩy bốn mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 132,4m²; đất trồng cây lâu năm 7150,0m²
e) Thời hạn sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: sử dụng đất đến ngày 01/7/2070; 3950,5m² đất trồng cây lâu năm: sử dụng đất đến ngày 31/10/2053; 3199,5m² đất trồng cây lâu năm: sử dụng đất đến ngày 31/3/2030
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất 132,4m²; Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 7150,0m².

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Tách, hợp thửa từ GCN số CS 02614/ĐS cấp ngày 02/11/2017 và GCN số CS 02617/ĐS cấp ngày 02/11/2017; GCN số CS 02612/ĐS cấp ngày 02/11/2017; GCN số CS 02615/ĐS cấp ngày 02/11/2017; GCN số CS 02613/ĐS cấp ngày 02/11/2017.
Thửa đất có 57,8m² đất thuộc HLBV đường bộ.

Bình Phước, ngày ...29... tháng ...6... năm 2023

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH BÌNH PHƯỚC

KT.GIÁM ĐỐC

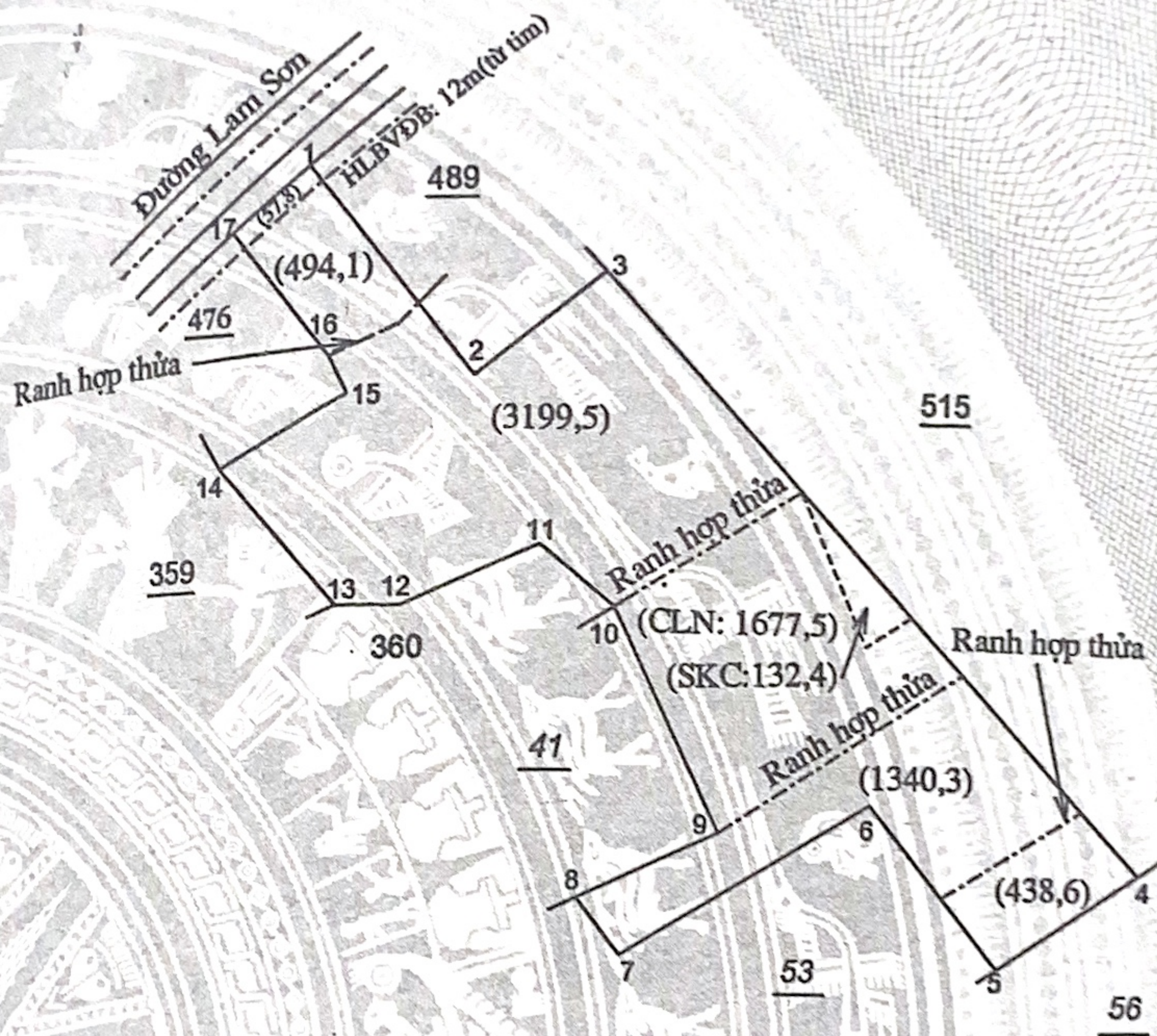
PHÓ GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN: VP.05984.1.ĐSHT

Nguyễn Hữu Chương

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Chiều dài cạnh thửa

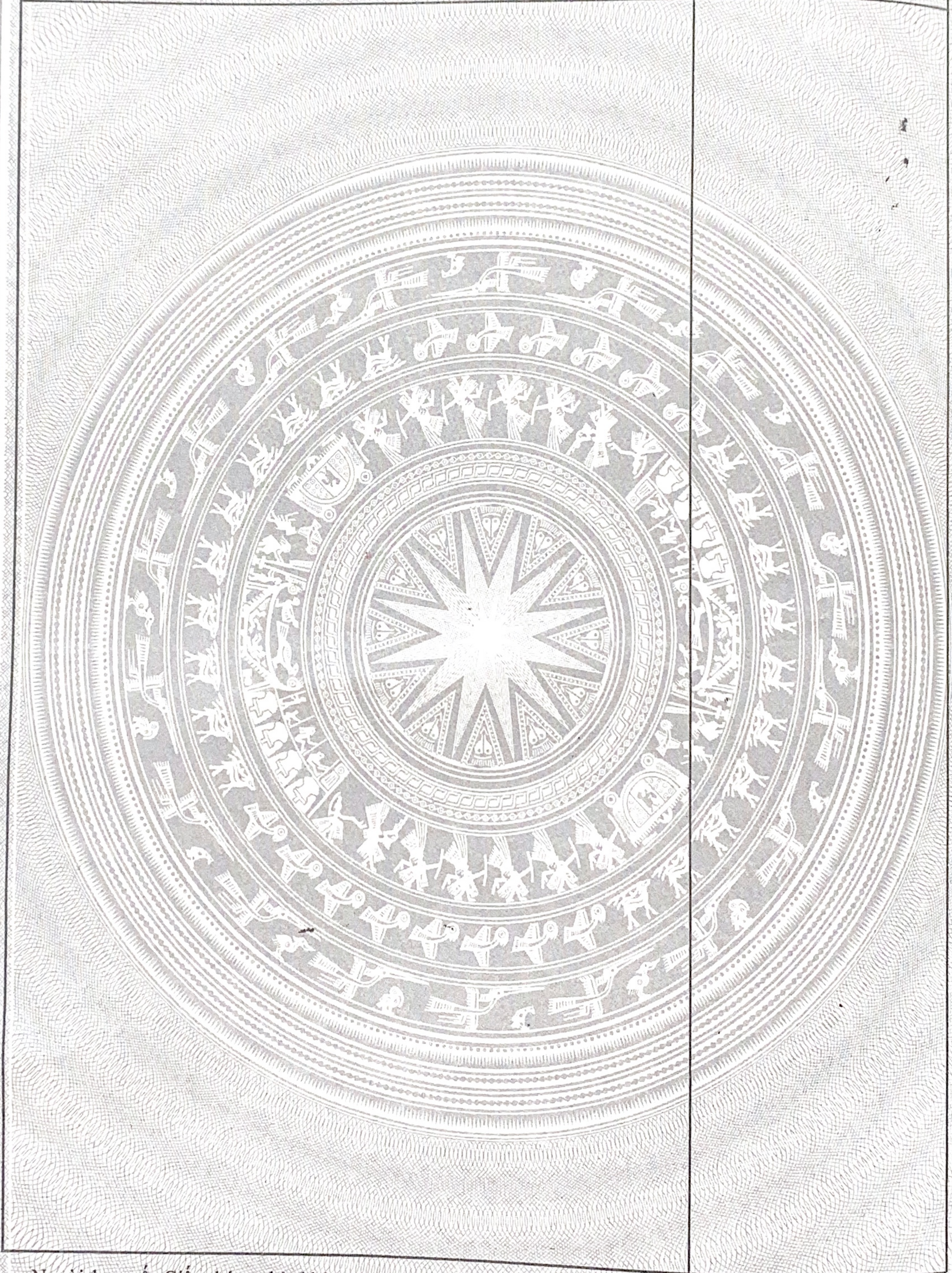
TT	Chiều dài (m)
1 - 2	45,02
2 - 3	28,01
3 - 4	136,35
4 - 5	30,00
5 - 6	35,25
6 - 7	50,00
7 - 8	12,04
8 - 9	26,45
9 - 10	41,86
10 - 11	16,35
11 - 12	25,37
12 - 13	10,91
13 - 14	31,07
14 - 15	24,94
15 - 16	7,01
16 - 17	27,03
17 - 1	17,00

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
10/7/2023, Số: 05995/CN Chuyên nhượng cho ông Bùi Hữu Phước, Sinh năm: 1984, CCCD số: 070084002519, cùng vợ là bà Phạm Thị Hoài Thương, Sinh năm: 1988, CMND số: 285157665, cùng thường trú tại Thôn Tân Hiệp 2, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; theo hồ sơ số 000.30.66.H10.230629-0031/KSHS.	Chi nhánh VPĐK đất đai thị xã Phước Long GIAM ĐỐC Vũ Minh Sơn

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2521923004058

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 327/GP-XD

Phước Long, ngày... 5... tháng... 6... năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1/ Cấp cho ông (bà): **BÙI HỮU PHƯỚC**

Địa chỉ: Thôn Tân Hiệp 2, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng.

2/ Được phép xây dựng công trình: Cơ sở sản xuất kinh doanh (Nhà xưởng)

Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phòng QLĐT thẩm tra tại kết quả thẩm tra số 12/KQTT-QLĐT ngày 04/6/2018 và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 141/TD-PCCC ngày 28/5/2018 của Phòng CS. PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Phước.

Hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT 01 đến KT 16.

Do Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Không Gian Xanh lập tháng 4/2018.

- Gồm các nội dung sau:

+ Địa điểm xây dựng: thửa đất số 259, tờ bản đồ số 34, diện tích 4770/9947,2 m², tại Khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

+ Mật độ xây dựng: 23,16%, hệ số sử dụng đất: 0,23

+ Chỉ giới xây dựng: Theo vị trí xây dựng trong bản vẽ xin phép.

+ Màu sắc công trình: Hòa hòa với cảnh quan xung quanh.

+ Tổng diện tích xây dựng (Tầng trệt): 2304 m².

+ Tổng diện tích sàn: 2304 m².

+ Cốt nền xây dựng công trình: 0,60 m (so với mặt đất tự nhiên).

+ Chiều cao tầng 1: 6,0 m.

+ Chiều cao công trình: 9,3 m; số tầng: 1 tầng.

3/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CS 02797/CN do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 01 tháng 02 năm 2018 và thông tin chuyển mục đích sử dụng đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Phước Long xác nhận.

4/ Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Đội QLTT đô thị;
- Thanh tra xây dựng;
- UBND phường Phước Bình;
- Chi Cục Thuế;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Lương

Số: /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ngày 11 tháng 3 năm 2025 của: Công ty TNHH chế biến nông sản Phước Thành.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Bùi Hữu Phước; Chức danh: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỨNG NHẬN**

Tên công trình: Nhà máy ép dầu điều Phước Thành.

Địa điểm xây dựng: phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH chế biến nông sản Phước Thành.

Cơ quan tư vấn thiết kế: Công ty TNHH MTV ĐT TM XD Bảo An và công ty TNHH MTV PCCC Song Ngọc.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Đường giao thông cho xe chữa cháy, khoảng cách an toàn PCCC, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan.

2. Bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy nổ, bố trí công năng của hạng mục công trình liên quan đến phòng cháy và chữa cháy.

3. Đường, lối thoát nạn, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

4. Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống hòng nước chữa cháy vách tường, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hòng tiếp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (sprinkler); hệ thống hút khói cưỡng bức, cấp khí bù; dụng cụ phá dỡ thô sơ, phương tiện chữa cháy ban đầu; giải pháp cấp điện cho PCCC.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2 đến trang 4/.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;

- Lưu: PCCC&CNCH.

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Thọ Bài

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số /TD-PCCC, ngày / /2025 của Phòng CS. PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bình Phước).

TT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	
1	Công trình: Nhà máy ép dầu điều Phước Thành của công ty TNHH chế biến nông sản Phước Thành được xây dựng tại khu đất địa chỉ phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, gồm các hạng mục: - Nhà xưởng: 01 tầng, diện tích xây dựng: 5.400m², chiều cao 11,5m (tính từ cos nền nhà xưởng tới đỉnh nóc gió), khối tích khoảng 43.200m³. Kết cấu chính: Móng, đà kiềng, nền bê tông cốt thép; cột, khung kèo thép hình I (chỉ số Am/v nhỏ hơn 250m⁻¹), tường xây bằng gạch nung trát vữa sơn nước, phía trên ốp tole, mái lợp tole, xà gồ thép. Bậc chịu lửa IV, cấp nguy hiểm cháy S0. Công năng làm nhà xưởng ép dầu điều, hạng C nguy hiểm cháy. - Hạng mục phụ trợ: nhà bơm (33m²), bể nước ngầm PCCC (660m³), nhà bảo vệ (18m²) ... Quy mô hệ thống phòng cháy chữa cháy và hệ thống kỹ thuật khác liên quan: - Công trình được trang bị hệ thống báo cháy tự động, trung tâm báo cháy loại địa chỉ 01Loop đặt tại phòng bảo vệ. - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (sprinkler), hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà được cấp nước từ cụm bơm gồm 01 bơm động cơ điện (bơm chính) và 01 bơm động cơ diesel (bơm dự phòng) có cùng thông số kỹ thuật điểm làm việc Q=85l/s, H=90m.c.n, 01 bơm bù áp động cơ điện có thông số kỹ thuật điểm làm việc Q=3l/s, H=95m.c.n, trang bị bình tích áp 1000 lít. Bể nước PCCC được trang bị bể nước ngầm có trữ lượng 660m³. - Hệ thống hút khói cưỡng bức: + Bố trí quạt quạt hút khói gắn mái có thông số kỹ thuật: lưu lượng Q=25.500m³/h, cột áp H=300Pa, GHCL 300°C trong 1 giờ, được kết nối liên động với hệ thống báo cháy. + Trang bị máy phát điện làm nguồn điện dự phòng có công suất 250 kVA. - Phương tiện chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; phương tiện chữa cháy ban đầu, bình chữa cháy các loại, dụng cụ phá dỡ thô sơ.	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ	
1	Bản vẽ mặt bằng tổng thể: TT-01 đến TT-04.	
2	Bản vẽ kiến trúc và kết cấu: X1-01 đến X1-10 (nhà xưởng), BV-01 đến BV-07 (nhà bảo vệ), BN-01 đến BN-03 (bể nước PCCC), NB-01 đến NB-03 (nhà bơm), TBA-01 (trạm biến áp 400KVA).	
3	Bản vẽ thiết kế hệ thống chữa chữa cháy vách tường, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hòng tiếp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước (sprinkler), trạm bơm chữa cháy: CC-01 đến CC-09.	

4	Bản vẽ hệ thống báo cháy tự động: BC-01 đến BC-06.	
5	Bản vẽ phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn: SC-01 đến SC-04.	
6	Bản vẽ sơ đồ nguyên lý cấp điện PCCC: Đ-01.	
7	Bản vẽ dụng cụ phá dỡ thô sơ: CC-07.	
8	Bản vẽ hệ thống hút khói cưỡng bức: HK-01 đến HK-04.	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các tiêu chuẩn về quy hoạch, xây dựng./.



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 280200

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Phước Thành 2

Mã số thuế (Tax code): 3801166193

Địa chỉ (Address): Trụ 58B/59/01/Tuyến 472 PL/ KP Phước Sơn, P.Phước Bình_0978307730

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020031406

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024	kWh	297.429	-	402.684.385
	(kèm theo bảng kê số 1447591872 ngày 02 tháng 11 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					402.684.385
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			32.214.751
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			434.899.136
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn trăm ba mươi bốn triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 11/ 2024 17:54:42



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBA

Số (No): 292519

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Phước Thành 2

Mã số thuế (Tax code): 3801166193

Địa chỉ (Address): Trụ 58B/59/01/Tuyến 472 PL/ KP Phước Sơn, P.Phước Bình_0978307730

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020031406

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024	kWh	334.733	-	467.677.388
	(kèm theo bảng kê số 1459311915 ngày 02 tháng 12 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					467.677.388
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			37.414.191
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			505.091.579
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm trăm linh năm triệu không trăm chín mươi một nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 12/ 2024 22:15:15



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBA

Số (No): 12107

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Phước Thành 2

Mã số thuế (Tax code): 3801166193

Địa chỉ (Address): Trụ 58B/59/01/Tuyến 472 PL/ KP Phước Sơn, P.Phước Bình_0978307730

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020031406

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2024 từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024	kWh	279.400	-	364.604.352
	(kèm theo bảng kê số 1475117486 ngày 03 tháng 01 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					364.604.352
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			29.168.348
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			393.772.700
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba trăm chín mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 03/ 01/ 2025 11:50:11



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBA

Số (No): 38007

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Phước Thành 2

Mã số thuế (Tax code): 3801166193

Địa chỉ (Address): Trụ 58B/59/01/Tuyến 472 PL/ KP Phước Sơn, P.Phước Bình_0978307730

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020031406

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	156.467	-	207.995.784
	(kèm theo bảng kê số 1492226491 ngày 04 tháng 02 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					207.995.784
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			16.639.663
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			224.635.447
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 04/ 02/ 2025 20:57:39



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBA

Số (No): 77796

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Phước Thành 2

Mã số thuế (Tax code): 3801166193

Địa chỉ (Address): Trụ 58B/59/01/Tuyến 472 PL/ KP Phước Sơn, P.Phước Bình_0978307730

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020031406

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	108.268	-	153.439.030
	(kèm theo bảng kê số 1501154435 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					153.439.030
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			12.275.122
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			165.714.152
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm mười bốn nghìn một trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 03/ 2025 21:50:00



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-011

Địa chỉ (Address): Số 905 quốc lộ 14, Khu phố 1, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Phước Long - Số TK: 5605201000581 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBA

Số (No): 103976

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Phước Thành 2

Mã số thuế (Tax code): 3801166193

Địa chỉ (Address): Trụ 58B/59/01/Tuyến 472 PL/ KP Phước Sơn, P.Phước Bình_0978307730

Mã khách hàng (Customer's Code): PB01020031406

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	316.334	-	429.750.249
	(kèm theo bảng kê số 1511709374 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					429.750.249
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			34.380.020
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			464.130.269
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn trăm sáu mươi bốn triệu một trăm ba mươi nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH PHƯỚC
Ngày ký: 02/ 04/ 2025 19:29:10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC
Số: 24 /PPT-HĐRT/2024..

Căn cứ vào nhu cầu của các Cơ quan, Công ty, Xí nghiệp Cơ sở, Hộ dân;

Căn cứ năng lực của Công ty Cổ phần Môi trường PPT;

Hôm nay, ngày 01 / 01 /2024, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH C.H.É. BIÊN LÂM SÂN PHƯỚC THÀNH

Đại diện: B. H. H. H. PHƯỚC Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: K. P. Phước Sơn Phường Phước Bình TX Phước Long Bình Phước

Điện thoại:

Mã số thuế: 3801.266.293

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG PPT

Địa chỉ trụ sở: Số 19 Lý Tự Trọng, Tổ 65, Khu 6, Phường Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế: 3702708342

Tài khoản số: 353333999 tại Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội Chi nhánh Bình Dương

Đại diện ông: **Phan Thanh Phong** - Chức vụ: Giám đốc.

Sau khi bàn bạc thảo luận hai bên cùng ký hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên A đề nghị bên B thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cho bên A theo quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương.

Địa điểm thu gom: Tại Công Ty

Thời gian thu gom: 3 ngày 1 lần

Thời gian thực hiện hợp đồng: 1 năm (bắt đầu từ 1 / 1 / 2024, đến 31/12/2024)

Điều 2: Giá trị hợp đồng và hình thức thanh toán:

1. Giá trị hợp đồng:

Bảng số: 400.000đ/Tháng

Bảng chữ: bốn trăm nghìn đồng tiền mặt/Tháng

Tương đương với khối lượng thu gom hàng tháng:

2. Hình thức thanh toán:

Thanh toán và ngày 5 (năm) đến ngày 30 (ba mươi) tây đầu mỗi quý và theo lộ trình của nhân viên thu gom rác.

Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Khi có thay đổi trên thông tin trên hóa đơn, bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi xuất hóa đơn.

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên:

BÊN A

Chấp nhận ký lại hợp đồng khi có lượng rác phát sinh qua 15% so với lượng rác đã ký kết. Giá trị phát sinh được xác định theo tỉ lệ khối lượng hoặc trọng lượng hợp đồng đã ký kết.

Đối với hợp đồng có giá trị hàng năm bên A thanh toán thêm giá trị hợp đồng thu gom và xử lý rác vào các ngày nghỉ Lễ, Tết theo phụ lục 01 đính kèm. Giá trị này được thanh toán vào đầu quý 4 hàng năm. Nếu việc thanh toán chậm trễ thì bên B có quyền ngưng thu gom cho đến khi được thanh toán đầy đủ.

Đề rác đúng nơi và thời gian quy định.

Rác thải phải đựng trong túi Nylon gọn gàng hoặc thùng chứa rác thải chuyên dùng không tồn đọng nước.

Đối với cây xanh, rác thải nguy hại như bóng đèn, bình ắc quy, nhớt, bình chứa rác thải nguy hại, chất thải rắn phải được hai bên thỏa thuận ký hợp đồng riêng.

BÊN B

Bên B có trách nhiệm thu gom và vận chuyển rác cho bên A theo đúng quy định của Nhà nước và chính quyền địa phương.

Phải thu gom rác đúng thời gian quy định trong hợp đồng, nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh từ việc chậm trễ thu gom thì bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm.

Bên B không chịu trách nhiệm thu gom cây xanh, cảnh, rác thải nguy hại như đã nêu ở 'Điều 3 Trách nhiệm của mỗi bên' phần trách nhiệm của bên A mà phải được thỏa thuận và ký hợp đồng riêng.

Điều 4: Giải quyết tranh chấp:

Hai bên thông báo cho nhau biết yêu cầu và nội dung trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Nếu có khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và giải quyết các khó khăn bằng cách cùng nhau thương lượng nhằm đảm bảo quyền lợi của hai bên.

Trong trường hợp hai bên không thể giải quyết các tranh chấp bằng các thương lượng thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án tối cao. Quyết định của Tòa án sẽ là hiệu lực cuối cùng và ràng buộc đối với 2 bên.

Mọi chi phí phát sinh bên thua sẽ chịu.

Điều 5: Quy định chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Ngày kết thúc hợp đồng cũng là ngày hợp đồng tự động thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ 1 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.



Bùi Hữu Phước

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHAN THANH PHONG

**CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN
NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH**
Khu Phước Sơn, Phường Phước
Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh
Bình Phước, Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

trả PT

Số : 01-25/HĐNT/NSPT-BK

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

- Căn cứ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 21/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ luật Thương Mại số 36/2005/QH 11 của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, được Quốc Hội thông qua ngày 14/06/2005, và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ nhu cầu khả năng của 2 Bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH (Bên Bán)
Địa chỉ : Khu Phước Sơn, Phường Phước Bình, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
- Điện thoại : 0978307730 Fax:
- Mã số thuế : 3801166193
- Tài khoản : 050085279741
- Tại: Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Bình Phước
- Do Ông : **BÙI HỮU PHƯỚC** Chức vụ: **Giám Đốc**



BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI BÁCH KHOA BÌNH DƯƠNG (Bên Mua)

- Địa chỉ : Số 234C/9 Đường Chợ Hoàng Gia, Khu 2, Khu Phố, Phường Tân Định, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại : 0977507333 Fax:
- Mã số thuế: 3702992801
- Tài khoản : **19037823723018**
- Tại: Ngân hàng Techcombank chi nhánh Bình Dương
Do Ông : **NGUYỄN VĂN KHÁNH** Chức vụ: **Giám Đốc**



Sau khi bàn bạc, hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG - SỐ LƯỢNG - GIÁ CẢ

- Bên A đồng ý bán cho bên B mặt hàng: Bã vỏ hạt điều.....
- Số lượng đơn hàng : Căn cứ theo nhu cầu sử dụng và đơn đặt hàng của bên B
- Đơn Giá: Thay đổi theo thời điểm giao nhận hàng và được sự thống nhất của hai Bên
- Trước khi nhận hàng bên B sẽ thông báo cho bên A trước một ngày với hình thức : đơn đặt hàng, Zalo hoặc điện thoại.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN, CHẤT LƯỢNG

- Địa điểm giao hàng : tại phân xưởng của bên A
- Chi phí bốc xếp hàng hóa lên xe do Bên A chịu
- Thời gian giao hàng: Giao hàng theo kế hoạch của bên B
- Chất lượng hàng hóa cung cấp theo đúng yêu cầu chất lượng mà hai bên đã xác nhận. Trong trường hợp phát sinh sự cố nguyên liệu không đạt, không đúng như chất lượng, số lượng... mà hai bên đã thỏa thuận. Bên B có quyền đơn phương không chấp nhận nhận hàng và trả hàng.
- Trọng lượng hàng được tính dựa theo phiếu cân của Bên A, bên B có người giám sát kí nhận và được đổi chiều số lượng theo mỗi phiếu cân tại bên A.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Định kỳ vào đầu mỗi tuần hai bên sẽ tiến hành đối chiếu tổng hợp khối lượng hàng hóa, đơn giá để làm cơ sở xuất hóa đơn GTGT (nếu có) và thanh toán.
- Bên B sẽ thanh toán trong vòng 15 ngày sau khi nhận đầy đủ hóa đơn thanh toán của bên A (bao gồm hóa đơn GTGT và các văn bản kèm theo nếu có)
- Bên A cung cấp hóa đơn hợp lệ, hợp pháp và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về hóa đơn (nếu có) do Bên A phát hành.

ĐIỀU 4 :THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ 02/01/2025 đến 31/12/2025.
- Trong trường hợp bên nào muốn thanh lý sớm hợp đồng thì hai bên cùng ngồi lại để giải quyết quyền lợi thỏa đáng cho mỗi bên.
- Trường hợp thay đổi các điều khoản của hợp đồng thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết. Việc thay đổi phải được lập thành biên bản và có xác nhận của hai bên.

ĐIỀU 5 : TRANH CHẤP & THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và tích cực bàn bạc giải quyết.
- Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì mới đưa vụ tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại Bình Dương giải quyết.
- Các phí tổn do bên A phát hành hóa đơn sai (nếu có) do bên phát hành hóa đơn chịu.
- Chi phí cho những hoạt động kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án do bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Hợp đồng sẽ tự động thanh lý khi 02 bên hoàn tất nghĩa vụ.
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này. Mọi sự sửa đổi, bổ sung hợp đồng và phụ lục hợp đồng này phải được sự đồng ý bằng văn bản của hai Bên.
- Hợp đồng này được lập thành 02 (Hai) bản chính. Mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



NGUYỄN VĂN KHÁNH



BÙI HỮU PHƯỚC



CÔNG TY TNHH MTV TMDV NGỌC BÍCH BP

Đồng hành cùng phát triển

Địa chỉ : Khu phố 9 phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
Điện thoại : 0988803187-0975.979397 Email: ngocbichbp.co@gmail.com
Mã số thuế: 3801171299

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 02/HĐNT/NB-PT/2025

- Căn cứ Văn bản hợp nhất 03/VBHN-VPQH năm 2017 hợp nhất Luật Thương mại do Văn phòng Quốc hội ban hành;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước CHXHCN Việt Nam năm 2015;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại Công ty TNHH MTV DVTM Ngọc Bích BP chúng tôi gồm có :

BÊN A: CTY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC BÍCH BP (Bên mua)

- Địa chỉ : Khu phố 9 phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 0988.803.187
- Đại diện : **LÊ THỊ NGỌC BÍCH** Chức vụ: Giám đốc
- Mã số thuế : 3801171299
- Tài khoản : 0988803187 tại Ngân hàng Eximbank – Chi nhánh Phước Bình

BÊN B: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH (Bên bán)

- Địa chỉ : Khu Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 0978.307730
- Đại diện : **BÙI HỮU PHƯỚC** Chức vụ: Giám đốc
- Mã số thuế : 3801166193
- Tài khoản : 050.085.279.741 tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Phước Bình

Sau khi bàn bạc, hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều khoản sau:

Điều 1: Hàng hóa, đơn giá, số lượng, thời gian giao hàng.

Bên B đồng ý bán, bên A đồng ý mua mặt hàng bã vỏ hạt điều đã ép (gọi tắt là bã điều) theo yêu cầu của bên A.

Số lượng của hợp đồng: Theo từng đơn đặt hàng của bên A.

- Đơn giá của hợp đồng: Theo từng thời điểm thỏa thuận giữa 2 bên.
- Thời gian giao hàng: Căn cứ theo nhu cầu của bên A và sẽ được ghi rõ trong từng đơn đặt hàng.

Điều 2: Chất lượng hàng hoá, hình thức đóng gói

2.1. Chất lượng hàng hóa.

- + Hàng mới ép dầu, 100% là bã của vỏ điều đã ép
- + Tạp chất (đất, đá, bao bì..) ≤ 1%

CÔNG TY TNHH MTV TMDV NGỌC BÍCH BP

Đồng hành cùng phát triển

Địa chỉ : Khu phố 9 phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
Điện thoại : 0988803187-0975.979397 Email: ngocbichbp.co@gmail.com
Mã số thuế: 3801171299

+ Độ ẩm toàn phần $\leq 12\%$ m/m

+ Nhiệt lượng tổng ≥ 4500 cal/g

* Không được trộn tạp chất đất, nước, cát, đá, cặn dầu điều, mùn các loại... trường hợp chất lượng không đảm bảo như cam kết, bị bên thứ 3 từ chối nhận hàng, thì bên B phải chịu 100% chi phí vận chuyển 2 đầu (chở đi – về) và chịu tổn thất phát sinh khác nếu có.

2.2. Hình thức đóng gói: Hàng rời

Điều 3: Phương thức giao nhận và thời gian bốc hàng.

3.1. Phương thức giao nhận

- Bên A sẽ cho xe vận chuyển đến xưởng của bên B, bên B chịu trách nhiệm bốc xếp hàng lên xe. Bên B có trách nhiệm kiểm tra chất lượng hàng hoá trước khi xúc hàng lên xe của bên A, trọng lượng được xác định qua phiếu cân điện tử của bên B.
- Giao nhận tại kho bên B.
- Chi phí bốc xếp: Chi phí bốc dỡ hàng lên xe do bên B chịu.

3.2. Thời gian bốc hàng: Thể hiện ở đơn xác nhận đặt hàng hoặc tin nhắn.

Điều 4: Giá trị và phương thức thanh toán:

4.1. Giá trị thanh toán:

Giá trị thanh toán = Số lượng giao nhận thực tế (*) x Đơn giá theo đơn đặt hàng.

(*)Số lượng giao nhận thực tế căn cứ vào phiếu cân tại trạm cân của kho bên B và biên bản đối chiếu giao nhận hàng.

4.2. Phương thức thanh toán:

Cứ sau mỗi đợt giao nhận hàng, hai bên cùng đối chiếu, chốt số liệu hàng hoá thực nhận và bên B tiến hành xuất hoá đơn GTGT cho bên A. Số lượng thừa thiếu chuyển sang đơn mới. Chi tiết cụ thể ở đơn xác nhận đặt hàng.

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

Điều 5: Các quyền và nghĩa vụ khác của các bên:

5.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- Cùng bên B giải quyết mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B.
- Lấy hàng đúng tiến độ được thể hiện trong đơn đặt hàng.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Cùng bên A giải quyết mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên A nhận hàng.
- Cung cấp hàng hóa đúng tiến độ, đủ số lượng, đạt tiêu chuẩn chất lượng theo hợp đồng.

CÔNG TY TNHH MTV TMDV NGỌC BÍCH BP

Đồng hành cùng phát triển

Địa chỉ : Khu phố 9 phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
Điện thoại : 0988803187-0975.979397 Email: ngocbichbp.co@gmail.com
Mã số thuế: 3801171299

- Thông báo ngay lập tức cho bên A khi có sự thay đổi về số lượng, chất lượng của hàng hóa khi giao hàng.

- Phát hành hóa đơn GTGT hợp pháp cho bên A.

Điều 6: Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng

- Trong trường hợp hàng hoá bên B giao không đúng thời gian (do thiếu hụt số lượng hoặc chất lượng không đảm bảo như Điều 2) cam kết theo đơn đặt hàng thì bên B sẽ phải bồi thường cho bên A. Cụ thể nếu bên B trễ hạn giao hàng thì cứ mỗi 01 ngày trễ hạn, bên B sẽ bị phạt 2% của tổng giá trị đơn đặt hàng đã ký kết.

- Trường hợp bên A báo sai chủng loại, số lượng hàng hoá, ngày lấy hàng thì bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và mọi chi phí liên quan đến việc giao nhận hàng hoá đó.

Điều 7: Sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng khiến cho mỗi bên không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên được loại trừ.

- Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm hoạ, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Cơ quan Chính phủ...

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, mỗi bên phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng, và sẽ, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng, chuyển trực tiếp bằng thư bảo đảm cho Bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự kiện bất khả kháng và khoảng thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng đó.

- Bên thông báo việc thực hiện Hợp đồng của họ trở nên không thể thực hiện được do Sự kiện bất khả kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để giảm thiểu ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng đó.

- Khi Sự kiện bất khả kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các Bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt Sự kiện bất khả kháng hoặc khi Sự kiện bất khả kháng đó bị loại bỏ.

CÔNG TY TNHH MTV TMDV NGỌC BÍCH BP

Đồng hành cùng phát triển

Địa chỉ : Khu phố 9 phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
Điện thoại : 0988803187-0975.979397 Email: ngocbichbp.co@gmail.com
Mã số thuế: 3801171299

Điều 8: Các điều khoản chung:

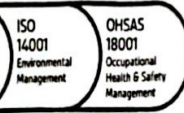
- Mọi sự thay đổi bất cứ nội dung nào của hợp đồng này phải được các bên ký kết bằng văn bản và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này.
- Mọi tranh chấp giữa các bên phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được các bên cố gắng giải quyết trên tinh thần thiện chí hợp tác, cùng có lợi. Trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì sẽ thống nhất chuyển vụ việc tới Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Bình Phước để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai bên thực hiện, án phí do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.
- Sau khi cả hai bên đều đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đã ghi trong hợp đồng, không bên nào nợ bên nào thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 01 bản để làm cơ sở thực hiện.



Bùi Hữu Phước



Lê Thị Ngọc Bích



NH – TRÚC HƯƠNG

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /HĐ.MTĐT-NH/25.2.VX

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép Môi trường số 220/GPMT – BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/06/2023;

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH

Địa chỉ : Khu Phước Sơn, Phường Phước Bình, Thị Xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 0978307730

Mã số thuế : 3801166193

Đại diện : **BÙI HỮU PHƯỚC**

Chức vụ: **Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM

Địa chỉ: 42 – 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: 028.38 208 666

Fax: 028.38 202 769

Mã số thuế: 0300438813

Số tài khoản : 310 10000 5651 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM.

Đại diện : **Ông NGUYỄN TĂNG HẢI**

Chức vụ: **Phó Giám Đốc**

(Căn cứ Giấy ủy quyền số 102/GUQ-MTĐT ngày 17 tháng 03 năm 2025 của Giám Đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị TP.HCM)

Sau khi thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các điều khoản và điều kiện sau :

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây được viết tắt là “CTNH”) cho Bên A:

1.1. Thời gian, tần suất, địa điểm thu gom CTNH:



NH – TRÚC HƯƠNG

- Thời gian: Theo yêu cầu của chủ nguồn thải (trễ nhất trước 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng).
- Tần suất thu gom: 1 lần/năm và bên A thông báo cho bên B trước 07 ngày tính từ ngày thu gom.
- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: Khu Phước Sơn, Phường Phước Bình, Thị Xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Liên hệ:

Người liên hệ bên A:

Người liên hệ bên B:

Hợp đồng : Trúc Hương – 0933 100 896

Hóa đơn chứng từ: Chị Phượng – 0908 907 574 (phuong-pkd@citenco.com.vn)

Thu gom: Chị Thoa – 0909 792 307

1.2. Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý

- Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại: Xe chuyên dụng, do bên B vận chuyển.
- Địa điểm xử lý: Nhà máy xử lý CTNH tại Đồng Thành.

ĐIỀU 2 : GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Khối lượng khoán kg/năm	Đơn giá (vnd/năm)	Điều kiện lưu chứa	Phương pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	≤ 50	5.000.000	Thùng carton	Phá hủy và chôn lấp có kiểm soát trong hầm chôn lấp
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Kg			Bao PE	Tiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ phát sinh được đưa vào hầm chôn lấp hoặc chuyển giao làm nguyên liệu cho nhà máy xi măng
3	Giẻ lau dính TPNH	Rắn	18 02 01	Kg				
4	Pin thải	Rắn	19 06 01	Kg				
5	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03	Kg				
6	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	Kg				

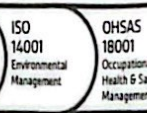
Ghi chú:

- Giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT. (Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành).
- Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển, chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH.

2.2. Giá trị hợp đồng Khoán: 7.000.000 VNĐ/năm.

Bằng chữ: Bảy triệu đồng chẵn.

- Dịch vụ (hoặc Đơn giá trên) chưa bao gồm thuế VAT (Thuế VAT được áp dụng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản pháp lý về thuế có hiệu lực hiện hành)



- Nếu bên A không bàn giao chất thải khi bên B đến thu gom mà không thông báo trước cho bên B (bằng văn bản) thì bên A vẫn phải thanh toán chi phí trên cho bên B.

Trường hợp phát sinh:

Nếu tổng khối lượng chất thải nguy hại bàn giao > **50 kg** (Trong đó bóng đèn > 05 kg/năm và các chất thải nguy hại khác > 45 kg/năm) thì chi phí xử lý cho phần thu gom vận chuyển xử lý khối lượng chất thải phát sinh sẽ được tính là:

Chi phí xử lý phát sinh = khối lượng bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh x 50.000 VNĐ/kg
+ khối lượng các chất thải nguy hại khác x 20.000 VNĐ/kg.

Chi phí vận chuyển phát sinh từ chuyến thứ 2 trở đi (nếu có) là: 3.000.000 VNĐ/chuyến

2.3. Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

Bên A thanh toán 100% giá trị khoản của hợp đồng với số tiền là: **7.000.000 VNĐ** và thuế giá trị gia tăng VAT (*Thuế VAT được áp dụng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản pháp lý về thuế có hiệu lực hiện hành*) trong vòng 30 ngày sau khi ký hợp đồng. (kể từ ngày bên A nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính từ bên B: nếu khách yêu cầu phải có hóa đơn thì dùng câu này, và bỏ câu tiếp theo dưới đây)

Hóa đơn tài chính sẽ được bên B chuyển giao cho bên A trong vòng 15-30 ngày kể từ ngày bên A thanh toán cho bên B.

Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao và làm cơ sở tính toán chi phí thu gom vận chuyển và xử lý phát sinh (nếu có).

Chi phí thu gom vận chuyển và xử lý phát sinh quy định ở **điều 2.2** sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày sau khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính từ Bên B.

Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B vào tài khoản nêu ở đầu hợp đồng (thông tin Bên B).

Khi thanh toán, Bên A chịu phí khi chuyển khoản và ghi đầy đủ nội dung chuyển khoản theo cú pháp như sau: "**Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số) ... Về việc ...**"

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM 2 BÊN**Bên A**

1. Phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải, báo cáo, chứng từ quản lý CTNH và/ hoặc các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
2. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).
3. Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của bên B.
4. Thông báo trước cho bên B trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí vận chuyển phát sinh (nếu có) do bên A chịu.
5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của hợp đồng đã ký.

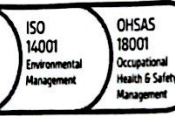


6. Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.
7. Phải bàn giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.
8. Bàn giao CTNH đúng thời hạn và tần suất theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng. Thời điểm cuối cùng bên A chuyển giao CTNH ít nhất trước 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng để hai bên có đủ thời gian hoàn thiện giấy tờ pháp lý liên quan.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
10. Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo Điều 2. Trường hợp bên A không giao CTNH theo đúng thời gian và tần suất theo quy định tại Điều 1 hợp đồng, Bên A vẫn có trách nhiệm thanh toán đủ giá trị hợp đồng cho bên B theo Điều 2 hợp đồng.
11. Trong trường hợp có thay đổi thông tin xuất hoá đơn, Bên A phải thông báo cho Bên B trước **30 ngày**. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không có trách nhiệm xuất lại hoá đơn cho Bên A.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng

Bên B

1. Ký vào chứng từ CTNH, biên bản giao nhận trên mỗi chuyến.
2. Phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.
3. Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
4. Thu gom CTNH của bên A đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của bên B.
5. Đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
6. Trong vòng 06 tháng sau khi nhận chất thải phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý. Nếu bên A vi phạm điều khoản thanh toán, hoặc gửi chứng từ trễ (chứng từ đã ký tên, đóng dấu) thì thời gian trả chứng từ sẽ cộng thêm tương ứng với thời gian bên A chậm thanh toán/ gửi chứng từ trễ.
7. Trong trường hợp xe hư hỏng, sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).
8. Từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty
10. Có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo Điều 2.
11. Bên B sẽ không hoàn trả số tiền Bên A thanh toán trước (nếu có) nếu Bên A vi phạm hợp đồng và có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng

ĐIỀU 4: GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH



- 4.1. Đối với bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyên để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 02 ngày về số Điện thoại: Chi Thoa – 0909 792 307).
- 4.2. Đối với bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A

ĐIỀU 5. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 5.1. Hợp Đồng này có thời hạn thực hiện dịch vụ từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/03/2026
- 5.2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong trường hợp các bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản và Bên đề nghị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải gửi văn bản cho bên còn lại trước 01 (một) tháng. Trong trường hợp này, Bên không vi phạm có quyền gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

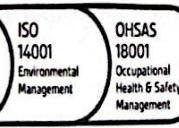
Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các Bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết trên tinh thần hai Bên cùng có lợi. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các Bên, việc tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định pháp luật Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, phán quyết của Tòa án có tính bắt buộc thi hành đối với các Bên, Bên thua sẽ chịu mọi chi phí xét xử

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: dịch bệnh, động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được; hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.
- 7.2. Khi một bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:
 - Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Hai Bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Bất cứ sự thay đổi nào với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự đồng ý và ký kết giữa hai Bên và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- 8.2. Hợp đồng có hiệu lực theo thời gian thực hiện dịch vụ được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này. Trường hợp hết thời gian thực hiện dịch vụ được quy định tại Điều 5 hợp đồng này nhưng hai Bên chưa hoàn thành quyền và nghĩa vụ trong việc nghiệm thu thanh toán, **hiệu lực hợp đồng được tự động gia hạn** cho đến khi hai Bên hoàn thành nghiệm thu thanh toán hợp đồng.
- 8.3. Hợp đồng này được tự động thanh lý sau khi hai Bên đã hoàn thành tất cả các quyền và nghĩa vụ Hợp đồng.



NH – TRÚC HƯƠNG

8.4. Hợp đồng này bao gồm 07 trang, được lập thành 07 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 02 bản và Bên B giữ 05 bản.

8.5. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



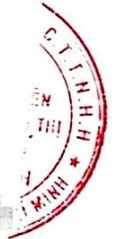
Bùi Hữu Phước

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TĂNG HẢI





Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2415910

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP & CN MÔI TRƯỜNG VIỆT
 2. Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG SẢN PHƯỚC THÀNH
 Địa chỉ: Khu Phước Sơn, Phường Phước Bình, TX Phước Long, Tỉnh Bình Phước
 3. Thông tin mẫu : Nước thải tại hồ gas tự thấm
 4. Ngày nhận mẫu : 14/08/2024
 5. Thời gian thử nghiệm : 14/08/2024 - 20/08/2024
 6. Ngày trả kết quả : 21/08/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT, Giá trị C, Cột B	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,96	5 - 9	TCVN 6492:2011
02	TSS	mg/L	43	100	TCVN 6625:2000
03	BOD ₅ (20°C)	mg/L	28	50	SMEWW 5210B:2023
04	Nitrat (N - NO ₃ ⁻)	mg/L	0,52	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023
05	Photphat (P - PO ₄ ³⁻)	mg/L	0,79	10	SMEWW 4500-P.E:2023
06	Coliform	MPN/100ml	2,9 x 10 ³	5.000	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Phạm Lê Hoàng Duy

Chú:

kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên

ng được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)

do Khách hàng gửi, mẫu không niêm phong và chứa trong can nhựa 5 lít.

Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

TN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

QT7.8

Lần ban hành: 01-2020

1/1